

Biểu số 2. BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

CÔNG TY TNHH NN MTV
LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG
MSDN 3300100201

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 109.../BC-CTLNTP

Huế, ngày 28 tháng 3 năm 2025

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển bền vững tài nguyên rừng, nâng cao giá trị rừng thông qua kinh doanh rừng bền vững gắn với chứng chỉ rừng FSC, hạn chế khai thác tài nguyên rừng; nâng cao chất lượng rừng.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất giống chất lượng cao, sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao từ ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất tạo ra sản phẩm mới, tạo doanh thu, nâng cao hiệu quả SXKD, dần giảm phụ thuộc vào khai thác tài nguyên rừng.

- Tăng trưởng tập trung với trọng tâm *tối đa hóa giá trị doanh nghiệp*, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng và phát triển thị trường.

2. Nhiệm vụ kế hoạch

- Sản xuất kinh doanh trồng rừng: Thực hiện kinh doanh rừng trồng bền vững gắn với chứng chỉ rừng FSC theo hướng tăng năng suất, chất lượng rừng, đa dạng hóa loài cây trồng rừng.

- Sản xuất, kinh doanh cây giống lâm nghiệp: tăng sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cùng với việc nâng cao chất lượng cây giống trồng rừng. Ngoài các loài cây trồng rừng chủ yếu, mở rộng sản xuất một số loài cây có giá trị khác phục vụ nhu cầu thị trường.

- Quản lý bảo vệ rừng: Thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng trên toàn bộ diện tích, nhằm bảo vệ và phát triển tốt vốn rừng.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Thuận lợi:

+ Có sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của UBND Thành phố, các Sở, ngành, chính quyền địa phương, cơ quan chức năng trong hoạt động SXKD, trong công tác quản lý bảo vệ rừng, đất đai.

+ BCH Đảng bộ, lãnh đạo Công ty, BCH Công đoàn phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và ban hành Nghị quyết, Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ; điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Tập thể CNV - LĐ đoàn kết, thống nhất, hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong quá trình thực hiện kế hoạch, công việc.

+ Lực lượng lao động có trình độ, năng lực, kinh nghiệm; cơ cấu lao động hợp lý; phân công trách nhiệm rõ ràng, có sự phối hợp đồng bộ giữa các Phòng/đơn vị/bộ phận nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Công ty.

- Khó khăn:

+ Sản xuất lâm nghiệp luôn tiềm ẩn các rủi ro, thách thức do diễn biến của thời tiết, khí hậu, thị trường, dịch bệnh và các nhân tố tác động khác.

+ Chi phí sản xuất ngày càng tăng (vật tư, phân bón, nhiên liệu, nhân công...); chi phí khắc phục rừng, hạ tầng lâm sinh, vườn ươm do ảnh hưởng của các cơn bão, lụt, nấm bệnh...

+ Sự biến động liên tục của thị trường, trong khi SXKD lâm nghiệp có tính chất thời vụ, chu kỳ dài, nên có tác động đến tính ổn định trong hoạt động SXKD của công ty.

1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG CHÍNH NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
1.1	Khai thác rừng trồng kinh tế	Ha	220,0
1.2	Trồng rừng	Ha	220,0
1.3	Chăm sóc rừng trồng	Ha	745,00
1.4	Cây giống lâm nghiệp	Tr.Cây	10,5
	<i>Cây keo hom</i>	<i>Tr.Cây</i>	<i>2,0</i>
	<i>Cây keo mô</i>	<i>Tr.Cây</i>	<i>0,5</i>
	<i>Cây mām keo, bạch đàn</i>	<i>Tr.Cây</i>	<i>8,0</i>
1.5	Sản xuất kinh doanh hoa và các loại cây khác	Ng.Cây	80,0
	<i>Lan các loại</i>	<i>Ng.Cây</i>	<i>30,0</i>
	<i>Cây bản địa, Tràm gió,...</i>	<i>Ng.Cây</i>	<i>50,0</i>
1.6	Quản lý và bảo vệ rừng (rừng phòng hộ, đặc dụng,...)	Ha	4.799,6
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích	Ha	1.904,0
	Bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng	Ha	1.904,0

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm

BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
1.1	Khai thác rừng trồng kinh tế	Ha	220,0
1.2	Trồng rừng	Ha	220,0
1.3	Chăm sóc rừng trồng	Ha	745,00
1.4	Cây giống lâm nghiệp	Tr.Cây	10,5
	Cây keo hom	Tr.Cây	2,0
	Cây keo mô	Tr.Cây	0,5
	Cây mām keo, bạch đàn	Tr.Cây	8,0
1.5	Sản xuất kinh doanh hoa và các loại cây khác	Ng.Cây	80,0
	Lan các loại	Ng.Cây	30,0
	Cây bản địa, Tràm gió, ...	Ng.Cây	50,0
1.6	Quản lý và bảo vệ rừng (rừng phòng hộ, đặc dụng,...)	Ha	4.799,6
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích	Ha	1.904,0
	Bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng	Ha	1.904,0
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	41.073,2
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	12.726,4
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	11.052,8
6	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Tr.đồng	4.833,6
	Trong đó: Thuế TNDN	Tr.đồng	1.673,6
7	Tổng vốn đầu tư	Tr.đồng	7.830,00
	Trồng rừng	Tr.đồng	3.750,00
	Chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng	Tr.đồng	2.980,00
	Cơ sở nuôi cấy mô	Tr.đồng	300,00
	Cơ sở vật chất khác (MMTB; vườn ươm, duy trì, đánh giá chứng chỉ FSC, đường lâm sinh, chòi canh lửa,...)	Tr.đồng	800,00

00201 -

CÔNG TY
NHÀ NL
HÀNH V
LÂM NGHIỆP
TIỀN PHONG

1A - THÁP

1.2.1. Khai thác rừng trồng kinh tế: 220 ha, theo kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt tại Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 và phù hợp với Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND thành phố phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiên Phong giai đoạn 2021-2030 (diện tích khai thác rừng khoảng 220 ha/năm).

1.2.2. Trồng rừng: 220 ha, theo kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt tại Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố. Công ty thực

hiện trồng lại rừng đối với toàn bộ diện tích đưa vào khai thác bằng các loài cây phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của Công ty.

1.2.3. Chăm sóc rừng trồng: 745 ha, theo kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt tại Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố. Công ty xây dựng kế hoạch thực hiện chăm sóc cho toàn bộ diện tích rừng trồng đang trong giai đoạn chăm sóc (rừng trồng từ năm 1 đến năm 3), trong đó: khoảng 651 ha rừng trồng Keo, 85 ha cây bản địa, 9 ha dược liệu (Tràm gió, Bạch đàn chanh,...).

Ngoài ra, trong quá trình sản xuất Công ty có thể tiếp tục đầu tư chăm sóc cho các diện tích khác tuy đã hết giai đoạn chăm sóc nhưng chất lượng rừng thấp bị sâu bệnh, cần phải tiếp tục chăm sóc.

1.2.4. Cây giống lâm nghiệp: 10,5 triệu cây, theo kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt tại Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố. Theo nhận định, đánh giá thị trường, thị trường tiêu thụ cây giống còn gặp khó khăn (đến nay chưa có hợp đồng đặt hàng năm 2025), Công ty chỉ xây dựng kế hoạch sản xuất cây giống theo kế hoạch 5 năm được phê duyệt và sẽ sản xuất tăng số lượng khi có thị trường tiêu thụ và đơn đặt hàng.

1.2.5. Sản xuất kinh doanh hoa và các loại cây khác, dịch vụ giống,...: 80.000 cây, tăng gần 3.000 cây so với thực hiện 2024. Năm 2025, Công ty tập trung sản xuất Lan các loại và một số lượng vừa đủ cây giống (bản địa, Tràm gió) để phục vụ kế hoạch trồng rừng của Công ty và cung cấp cho người dân, khách hàng có nhu cầu. Khi thị trường có nhu cầu về cây dược liệu, Công ty sẽ sản xuất tăng thêm số lượng để tiêu thụ.

1.2.6. Quản lý và bảo vệ rừng (rừng phòng hộ, đặc dụng): tiếp tục tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ tốt diện tích 4.799,6 ha, theo kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt tại Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố.

1.2.7. Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích: 1.904,0 ha, theo kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt tại Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND thành phố.

1.2.8 Tổng doanh thu: Kế hoạch doanh thu năm 2025 dự kiến 41.073,2 triệu đồng, theo kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt tại Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, tăng 1.576,7 triệu đồng, tương ứng tăng 4% so với thực hiện 2024; đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ tăng doanh thu bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 2,33% theo Quyết định số 3122/QĐ-UBND.

1.2.9. Lợi nhuận trước thuế: 12.726,4 triệu đồng, theo kế hoạch 5 năm đã được phê duyệt tại Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 28/12/2023, tăng 268,2 triệu đồng, tương ứng tăng 2,15% so với thực hiện 2024; đảm bảo chỉ tiêu tỷ lệ tăng lợi nhuận trước thuế bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 2,05% theo Quyết định số

3122/QĐ-UBND.

1.2.10. Lợi nhuận sau thuế: 11.052,8 triệu đồng, tăng 93,6 triệu đồng, tương ứng tăng 0,85 % so với thực hiện 2024.

1.2.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 4.833,6 triệu đồng, thực hiện theo các quy định, chính sách thuế của nhà nước.

1.2.12. Tổng vốn đầu tư: 7.830,0 triệu đồng, trong đó:

- Trồng rừng: 3.750,0 triệu đồng.

- Chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng: 2.980,0 triệu đồng.

- Đầu tư cơ sở nuôi cấy mô: 300,0 triệu đồng.

- Cơ sở vật chất khác: 800,0 triệu đồng.

- Kế hoạch tổng vốn đầu tư năm 2025 tăng 14,73%, tương ứng 1.005,3 triệu đồng so với thực hiện năm 2024, tuy nhiên giảm 3.784 triệu đồng so với kế hoạch 5 năm được phê duyệt, nguyên nhân:

- + Trồng rừng: kế hoạch vốn đầu tư 2025 là 3.750 triệu đồng, tương ứng mức đầu tư 17,05 triệu đồng/ha, vừa đảm bảo kỹ thuật trong trồng rừng, vừa thi công theo thực tế sản xuất. Nguyên nhân: Theo kế hoạch 05 năm đã được phê duyệt, kế hoạch vốn đầu tư trồng rừng Công ty căn cứ theo Quyết định số 38/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xây dựng kế hoạch vốn đầu tư khoảng 19,06 triệu đồng/ha, tương ứng 4.193 triệu đồng; tuy nhiên, căn cứ thực tiễn áp dụng trong thời gian qua, Công ty xây dựng kế hoạch vốn trồng rừng là 17,05 triệu đồng/ha, tương ứng 3.750 triệu đồng là phù hợp với nhu cầu vốn trong đầu tư trồng rừng. Tiết kiệm được vốn đầu tư trong trồng rừng, nhưng vẫn đảm bảo các kỹ thuật lâm sinh.

- + Chăm sóc rừng: kế hoạch vốn đầu tư 2025 là 2.980 triệu đồng, tương ứng mức đầu tư 4,0 triệu đồng/ha, vừa đảm bảo kỹ thuật trong chăm sóc rừng, vừa thi công theo thực tế sản xuất.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch 05 năm đã được phê duyệt, kế hoạch vốn đầu tư Công ty căn cứ theo Quyết định số 38/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xây dựng kế hoạch vốn đầu tư chăm sóc rừng 7,95 triệu đồng/ha, tương ứng 5.922 triệu đồng (trong đó, bao gồm chi phí bảo vệ rừng sau giai đoạn chăm sóc). Căn cứ thực tiễn áp dụng trong thời gian qua, Công ty xây dựng kế hoạch vốn đầu tư chăm sóc rừng là 4 triệu đồng/ha, tương ứng 2.980 triệu đồng là phù hợp với nhu cầu vốn trong đầu tư chăm sóc rừng trồng. Tiết kiệm trong đầu tư, chỉ chăm sóc diện tích cần thiết nhưng vẫn đảm bảo cho việc cây rừng sinh trưởng, phát triển, phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật lâm sinh.

- + Cơ sở nuôi cấy mô: kế hoạch vốn đầu tư 2025 là 300 triệu đồng, giảm 200 triệu đồng so với kế hoạch 05 năm đã được phê duyệt, nguyên nhân là cơ sở nuôi

cây mô do đã được đầu tư những năm trước đây, cơ bản đáp ứng yêu cầu SXKD; Công ty chỉ xem xét đầu tư, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục cần thiết do dự báo khả năng SXKD cây giống các loại còn gặp khó khăn trong năm 2025.

+ Cơ sở vật chất khác: kế hoạch vốn đầu tư 2025 là 800 triệu đồng, giảm 200 triệu đồng so với kế hoạch 05 đã được phê duyệt, nguyên nhân là các cơ sở vật chất khác: máy móc thiết bị, hạ tầng lâm sinh, các công trình PCCCR, đường PCCCR; thực hiện đánh giá duy trì Chứng chỉ rừng FSC,... đã được Công ty đầu tư cơ bản trong thời gian qua, kế hoạch 2025 chỉ duy tu, sửa chữa, nhu cầu kinh phí đầu tư khoảng 800 triệu đồng.

+ Ngoài ra, Công ty chưa được phê duyệt phương án bổ sung vốn điều lệ để thực hiện kế hoạch SXKD và Đầu tư phát triển nên thực hiện tiết giảm, tiết kiệm trong đầu tư, dự phòng nguồn vốn SXKD sau này.

1.2.13. Nguồn vốn thực hiện

Nguồn vốn SXKD của Công ty và các nguồn vốn khác.

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp trong năm (dự án nhóm B trở lên):

Doanh nghiệp không có dự án nhóm B trở lên.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin doanh nghiệp - Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử TP Huế;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Đôn Chất Ai Tín